

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 84/2026/HS-ST

Ngày 06/02/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quý Vĩnh và ông Trịnh Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1989. CCCD số: 049183020146

Địa chỉ: Tổ 9, Hà Trung, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo uỷ quyền:

- Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1995. CCCD số: 049195012396

- Ông Hồ Xuân Ánh, sinh năm 2002. CCCD số: 049202013515

Địa chỉ: Số 446 đường 2/9, phường H Cường, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1990. CCCD số: 049090000429

Địa chỉ: khối Xuyên Trung, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng.

Bà P có mặt, ông Ánh, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện lập ngày 08/7/2025 và tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:

Vào ngày 28/11/2023, ông Đặng Minh T và ông Phạm Văn H cùng thỏa thuận ký Hợp đồng vay tiền. Nội dung Hợp đồng vay tiền như sau: ông T cho ông H vay số tiền là **400.000.000 (Bốn trăm triệu đồng)**. Ông H sẽ thanh toán khoản nợ trên sau 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng vay tiền được công chứng.

Vào ngày 19/04/2024, ông H tiếp tục viết Giấy mượn tiền với nội dung ông H có mượn của ông T số tiền **150.000.000 đồng** (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) từ ngày 19/04/2024 đến ngày 19/09/2024 và cam kết sẽ Hn trả lại cho ông T đúng theo cam kết nêu trên.

Tuy nhiên đến nay, đã quá hạn thanh toán số tiền nêu trên nhưng ông H chưa thanh toán số tiền đã vay theo như thỏa thuận giữa hai bên. Mặc dù ông T đã nhiều lần trực tiếp liên lạc, nhắn tin, gọi điện, đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không phản hồi cũng như không Hn trả bất kỳ số tiền nào cho ông T.

Ông Đặng Minh T khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán cho ông tổng số tiền là **692.246.574** (*Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*), trong đó:

Tổng số tiền gốc theo Hợp đồng vay tiền và Giấy mượn tiền là **550.000.000 đồng** (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*);

Tiền lãi là **142.246.574 đồng** (*Một trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*), cụ thể như sau:

Tiền lãi đối với nợ gốc 400.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 28/11/2023 là 121.534.246, bao gồm:

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (tính từ ngày vay tiền - ngày 28/11/2023 đến ngày đến hạn thanh toán hợp đồng – ngày 28/5/2024), với mức lãi suất là 10%/năm, $400.000.000 \text{ (đồng)} \times 10\% : 365 \text{ (ngày)} \times 182 \text{ (ngày)} = \mathbf{19.945.205 \text{ (đồng)}}$

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa thanh toán (tính từ ngày chậm trả nợ gốc - ngày 29/5/2024 đến thời điểm xét xử - ngày 06/02/2026), với mức lãi suất 15%/năm, $400.000.000 \text{ (đồng)} \times 150\% \times 10\% : 365 \text{ (ngày)} \times 618 \text{ (ngày)} = \mathbf{101.589.041 \text{ đồng.}}$

Tiền lãi đối với khoản vay 150.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ký ngày 19/4/2024 là 20.712.328 đồng. (Tính từ ngày chậm trả nợ gốc – ngày 20/9/2024 đến thời điểm xét xử - ngày 06/02/2026), với mức lãi suất là 10%/năm, $150.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 365 \text{ (ngày)} \times 504 \text{ (ngày)} = \mathbf{20.712.328 \text{ đồng}}$

Đối với bị đơn ông Phạm Văn H:

Ngày 24/10/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho ông Phạm Văn H bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định.

Hết thời hạn 15 ngày theo quy định tại điều 199 BLTTDS ông Phạm Văn H không có văn bản trả lời ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T cũng như văn bản xin gia hạn thời hạn trả lời theo quy định.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Phạm Văn H không đến Tòa án tham gia các phiên H giải nên vụ án không thể tiến hành H giải theo quy định.

Vì vậy Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T, buộc ông Phạm Văn H trả cho ông T số tiền nợ gốc theo hợp đồng vay tiền lập ngày 28/11/2023 với số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Đặng Minh T khởi kiện đối với ông Phạm Văn H về việc yêu cầu trả tiền nợ vay nên quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay”

[1.2] Bị đơn ông Phạm Văn H và nguyên đơn ông Đặng Minh T đã thỏa thuận lập hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Diễm. Theo hợp đồng ông H cung cấp căn cước công dân và địa chỉ là khối Xuyên Trung, phường Cẩm Nam, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam, nay là khối Xuyên Trung, phường Hội An, thành phố Đà Nẵng. Sau khi vay tiền và vào thời điểm khởi kiện, giải quyết vụ án, ông H đã đi khỏi địa phương nhưng không thông báo nơi cư trú, làm việc cho nguyên đơn biết thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Tại hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2023, ông H có thỏa thuận vay của ông Đặng Minh T số tiền 400.000.000đ. Lãi suất do các bên thỏa thuận. Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Diễm. Thời hạn trả nợ là 06 tháng kể từ ngày ký kết. Đến ngày 19/04/2024, ông H tiếp tục mượn của ông T số tiền 150.000.000đ và viết giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả là ngày 19/9/2024.

Tổng số tiền ông H đã vay của ông T là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu). Đến thời hạn, ông H không trả cho ông T nên ông T khởi kiện là có căn cứ.

Đối với số tiền lãi: Ông H vi phạm hợp đồng nên ông T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm và lãi suất quá hạn, mức lãi suất không vượt quá lãi suất do Bộ luật dân sự quy định nên chấp nhận số tiền lãi là 142.246.574 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*).

[3] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh T. Buộc bị đơn ông Phạm Văn H có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Minh T số tiền **692.246.574** (*Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*), theo hợp đồng vay tiền ngày 28/11/2023 và giấy mượn tiền lập ngày 19/4/2024 trong đó: Số tiền nợ gốc là **550.000.000 đồng** (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*); nợ lãi là **142.246.574 đồng** (*Một trăm bốn mươi hai triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm số tiền 31.689.840 đ (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng) ông Phạm Văn H phải chịu. Hn trả lại cho ông Đặng Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.630.000 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004148 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/02/2026). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng
- VKSND Khu vực 10- Đà Nẵng
- THADS TP. Đà Nẵng.
- Các đương sự
- Lưu HS,AV

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Tám

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM – THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Sơn Hải – Hồ Quý Vĩnh

Võ Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cang – Lê Trung Thiên

Võ Thị Tám